PHAO-LÔ GIÁM MỤC  
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA  
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG  
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

**SẮC LỆNH VỀ ĐẠI KẾT – UNITATIS REDINTEGRATIO**

*Ngày 21 tháng 11 năm 1964*

**SẮC LỆNH VỀ ĐẠI KẾT – UNITATIS REDINTEGRATIO**

**LỜI MỞ ĐẦU**

**CHƯƠNG I. NHỮNG NGUYÊN TẮC CÔNG GIÁO VỀ ĐẠI KẾT**

**CHƯƠNG II. THỰC HÀNH ĐẠI KẾT**

**CHƯƠNG III. CÁC GIÁO HỘI VÀ CÁC CỘNG ĐOÀN GIÁO HỘI ĐÃ LY TÁN KHỎI TÔNG TÒA RÔ-MA**

**Chú thích**

**LỜI MỞ ĐẦU**

**1**

Cổ võ việc tái lập sự hợp nhất giữa toàn thể các Ki-tô hữu là một trong những mục tiêu chính của Thánh Công Đồng Chung Va-ti-ca-nô II. Quả thực, Đức Ki-tô đã thiết lập một Giáo Hội và chỉ một Giáo Hội duy nhất, thế nhưng nhiều cộng đồng Ki-tô giáo tự xưng với mọi người rằng chính mình mới là di sản đích thực của Đức Ki-tô; thật vậy, tất cả đều xưng mình là môn đệ của Chúa nhưng lại cảm nghĩ và đi theo những đường lối khác nhau, như thể chính Đức Ki-tô bị chia cắt vậy.**1** Quả thực, sự phân rẽ này hiển nhiên vừa trái ngược với ý muốn của Đức Ki-tô vừa là cớ vấp phạm cho thế giới và gây tổn hại cho sứ mạng rất cao cả là rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo.

Tuy nhiên, Chúa các thời đại, Đấng luôn khôn ngoan và nhẫn nại tiếp tục ý định trao ban ân sủng của Người cho chúng ta là những kẻ tội lỗi, trong thời gian gần đây đã bắt đầu tuôn đổ dồi dào tinh thần thống hối và ước vọng hợp nhất trên các Ki-tô hữu còn đang chia rẽ với nhau. Rất nhiều người ở khắp nơi được khích lệ bởi ơn này, và nhờ ơn Chúa Thánh Thần tác động, một phong trào nhằm tái lập sự hợp nhất tất cả các Ki-tô hữu được khởi phát, ngày càng lan rộng hơn nơi những anh em đang ly tán khỏi chúng ta. Tham gia phong trào tìm về hợp nhất này, cũng được gọi là phong trào Đại Kết, gồm những người cầu khẩn Chúa Ba Ngôi và tuyên xưng Đức Giê-su là Chúa và là Đấng Cứu Thế, không những từng cá nhân riêng rẽ, mà còn tụ họp nơi những cộng đoàn, trong đó họ đã được nghe Phúc Âm, và mỗi nhóm gọi đó là Giáo Hội của mình và của Thiên Chúa. Mặc dầu bằng những cách thức khác nhau, nhưng hầu như tất cả đều mong ước một Giáo Hội duy nhất và hữu hình của Thiên Chúa, một Giáo Hội thực sự phổ quát và được sai đến cho toàn thế giới, để thế giới trở về với Tin Mừng và nhờ đó được cứu rỗi để làm vinh danh Thiên Chúa.

Vì vậy, trong khi vui mừng ghi nhận tất cả những điều ấy, và sau khi công bố học thuyết về Giáo Hội, Thánh Công Đồng thiết tha mong mỏi tái lập sự hợp nhất giữa tất cả các môn đệ Đức Ki-tô, nên muốn đề ra cho mọi người Công Giáo những phương thức hỗ trợ, những đường lối và cách thế để họ có thể đáp ứng lời mời gọi và ân sủng của Thiên Chúa.

**CHƯƠNG I. NHỮNG NGUYÊN TẮC CÔNG GIÁO VỀ ĐẠI KẾT**

**2**

Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta đã tỏ hiện trong việc Con Một Thiên Chúa được sai đến thế gian, để khi đã làm người, Người tái sinh toàn thể nhân loại bằng cách cứu chuộc và đoàn tụ họ nên một.**2** Chính Người, trước khi tự hiến làm lễ vật tinh tuyền trên bàn thờ Thập giá, đã cầu cùng Chúa Cha cho các tín hữu: “Xin cho tất cả được nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, để chính họ cũng nên một trong Ta và để thế gian tin rằng Cha đã sai Con” (Ga 17,21). Và Người đã thiết lập trong Giáo Hội của Người bí tích Thánh Thể kỳ diệu, vừa diễn tả vừa thực hiện sự hợp nhất của Giáo Hội. Người ban cho các môn đệ Người một giới răn mới về tình yêu thương nhau**3** và hứa ban Thánh Thần Phù Trợ,**4** là Chúa và là Đấng ban sự sống, để ở với họ luôn mãi.

Sau khi chịu treo trên Thập giá và được tôn vinh, Chúa Giê-su ban Thánh Thần Người đã hứa, nhờ Chúa Thánh Thần, Người kêu gọi và quy tụ đoàn dân của Giao Ước Mới chính là Giáo Hội, trong cùng một đức tin, đức cậy và đức mến, như Thánh Tông Đồ dạy: “Chỉ có một thân thể và một Thánh Thần cũng như anh em được kêu gọi trong một niềm hy vọng của ơn kêu gọi anh em. Chỉ có một Chúa, một đức Tin, một phép Rửa” (Ep 4,4-5). “Thật vậy, bất kỳ ai trong anh em được rửa tội trong Đức Ki-tô, đều mặc lấy Đức Ki-tô… Vậy, tất cả anh em chỉ là một trong Chúa Giê-su Ki-tô” (Gl 3,27-28). Chúa Thánh Thần, Đấng ngự trong các tín hữu, cũng là Đấng làm sung mãn và hướng dẫn toàn thể Giáo Hội, chính Ngài thực hiện sự thông hiệp kỳ diệu ấy nơi các tín hữu, và liên kết tất cả trong Đức Ki-tô cách mật thiết đến nỗi Ngài trở thành Nguyên Lý hợp nhất Giáo Hội. Chúa Thánh Thần phân phối các ân sủng và các tác vụ**5** để Giáo Hội Đức Ki-tô được nên phong phú nhờ có nhiều phận vụ khác nhau, “từ đó các thánh được chuẩn bị để thực thi tác vụ, là xây dựng thân thể Đức Ki-tô” (Ep 4,12).

Tuy nhiên, để thiết lập Giáo Hội thánh thiện của Người khắp nơi trên mặt đất cho đến tận thế, Đức Ki-tô đã ủy thác cho Nhóm Mười Hai nhiệm vụ giáo huấn, hướng dẫn và thánh hóa.**6** Trong số các Tông đồ, Chúa đã chọn Phê-rô và đã quyết định xây dựng Giáo Hội Người trên Phê-rô sau khi ông tuyên xưng đức tin. Người hứa trao cho ông chìa khóa nước trời**7** và sau khi Phê-rô xác quyết tình yêu của mình, Người đã trao phó cho ông toàn thể đoàn chiên để ông củng cố trong đức tin**8** và chăn dắt trong sự hợp nhất vẹn toàn,**9** tuy nhiên chính Chúa Giê-su Ki-tô vẫn là tảng đá góc**10** và là chủ chăn linh hồn chúng ta**11** cho đến muôn đời.

Qua các Tông đồ và những Đấng kế vị các ngài là các Giám mục cùng với thủ lãnh là Đấng kế vị Thánh Phê-rô, nhờ việc các ngài trung thành rao giảng Phúc Âm, trao ban các bí tích và cai quản trong yêu thương, Chúa Giê-su Ki-tô muốn cho đoàn dân của Người, dưới tác động của Chúa Thánh Thần, được luôn tăng trưởng và kiện toàn sự thông hiệp trong tình hợp nhất: cùng tuyên xưng một đức tin, cùng cử hành một nghi lễ phụng tự, cùng hòa hợp huynh đệ trong một gia đình của Thiên Chúa.

Như thế, là đoàn chiên duy nhất của Thiên Chúa, được đặt lên như dấu chỉ trước mặt muôn dân,**12** được uỷ thác sứ vụ đem Tin Mừng bình an cho toàn thể nhân loại,**13** Giáo Hội thực hiện cuộc lữ hành trong niềm hy vọng tiến về cùng đích là quê trời.**14**

Đó là mầu nhiệm thánh thiêng của sự hợp nhất Giáo Hội, trong Đức Ki-tô và nhờ Đức Ki-tô, dưới tác động của Chúa Thánh Thần trong nhiều phận vụ khác nhau. Mẫu mực tối cao và nguyên lý của mầu nhiệm này là sự hợp nhất trong Ba Ngôi của một Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con trong Thánh Thần.

**3**

Trong Giáo Hội duy nhất đó của Thiên Chúa, ngay từ buổi sơ khai đã xuất hiện ít nhiều rạn nứt**15** mà Thánh Tông Đồ đã nghiêm khắc khiển trách như một điều cần ngăn chận;**16** rồi trong các thời đại kế tiếp, lại nảy sinh nhiều phân rẽ trầm trọng hơn và nhiều Cộng đồng lớn đã tách khỏi sự hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công Giáo, đôi khi do sai lỗi của những người ở cả hai bên. Tuy nhiên, ngày nay, những người được sinh ra và tiếp nhận niềm tin vào Chúa Ki-tô trong các Cộng đồng ấy, không thể bị kết tội chia rẽ và Giáo Hội Công Giáo vẫn kính trọng, yêu thương họ như anh em. Thật vậy, những người tin vào Chúa Ki-tô và đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy thành sự, vẫn hiệp thông cách nào đó với Giáo Hội Công Giáo cho dù không được trọn vẹn. Chắc chắn những khác biệt dưới nhiều cấp độ giữa họ và Giáo Hội Công Giáo trong lãnh vực giáo thuyết, có khi trong vấn đề kỷ luật hay liên quan đến cơ cấu tổ chức, làm cho việc hiệp thông trọn vẹn trong Giáo Hội gặp nhiều trở ngại, đôi khi lại là những trở ngại lớn lao mà phong trào Đại Kết đang cố gắng vượt qua. Nhưng dù sao đi nữa, bởi đã được công chính hóa nhờ đức tin khi lãnh nhận bí tích Thánh tẩy, họ đã được tháp nhập vào Chúa Ki-tô**17** và vì thế có quyền mang danh Ki-tô hữu và đáng được con cái của Giáo Hội Công Giáo nhìn nhận là anh em trong Chúa.**18**

Hơn nữa, giữa các yếu tố hoặc gia sản nhờ đó Giáo Hội đã được xây dựng và tác sinh, có một số điều, thậm chí rất nhiều và là những điều thật cao quí, có thể nằm ngoài phạm vi hữu hình của Giáo Hội Công Giáo như Lời Chúa trong Sách Thánh, đời sống ân sủng, đức tin, cậy, mến, các ơn ban của Chúa Thánh Thần trong tâm hồn, và những yếu tố hữu hình khác nữa: tất cả những điều đó, phát sinh từ Đức Ki-tô và dẫn đưa về chính Người, đương nhiên cũng thuộc về Giáo Hội duy nhất của Người.

Cũng vậy, nơi các anh em đã ly tán khỏi chúng ta, một số nghi lễ thánh thiêng của Ki-tô giáo vẫn được cử hành, tuy cách thức có khác nhau tùy hoàn cảnh của mỗi Giáo Hội hay Cộng Đồng, những nghi lễ ấy chắc chắn có hiệu năng làm phát sinh đời sống ân sủng và phải được đón nhận như những lối mở dẫn đến sự hiệp thông mang lại ơn cứu rỗi.

Do đó, các Giáo Hội**19** và các Cộng Đồng ly khai ấy vẫn không hoàn toàn mất đi ý nghĩa và giá trị trong mầu nhiệm cứu rỗi, dù chúng ta tin rằng nơi họ vẫn còn một số điều khiếm khuyết. Thật vậy, Thánh Thần của Chúa Ki-tô vẫn dùng họ như những khí cụ mang lại ơn cứu rỗi, nhờ vào năng lực phát xuất từ chính sự sung mãn của ân sủng và chân lý đã được trao ban cho Giáo Hội Công Giáo.

Nhưng các anh em đã ly tán khỏi chúng ta, cá nhân cũng như Cộng Đồng và các Giáo Hội của họ, không được hưởng sự hợp nhất mà Chúa Giê-su Ki-tô đã muốn trao ban cho những kẻ Người đã tái sinh và thông truyền sự sống mới trong một thân thể duy nhất, sự hợp nhất mà Thánh Kinh và Truyền Thống đáng kính của Giáo Hội đều tuyên xưng. Thật vậy, duy chỉ có Giáo Hội Công Giáo của Đức Ki-tô, vốn là tổng trợ tá của ơn cứu rỗi, mới có thể giúp đạt được đầy đủ các phương thế cứu rỗi. Vì chúng ta tin rằng Chúa đã ủy thác tất cả sản nghiệp Tân Ước cho một Tông Đồ Đoàn duy nhất với thánh Phê-rô là người đứng đầu, để tạo thành Thân Thể duy nhất của Chúa Ki-tô ở trần gian, nên tất cả những ai bằng một cách nào đó đã thuộc về Dân Chúa, đều phải được tháp nhập vào Thân Thể ấy. Trên đường lữ thứ trần gian, mặc dù các thành viên có thể vẫn còn phạm tội, nhưng đoàn dân ấy vẫn lớn lên trong Đức Ki-tô và được Thiên Chúa dịu dàng hướng dẫn theo ý định nhiệm mầu của Ngài, cho đến khi họ vui mừng đạt tới vinh quang vĩnh cửu và sung mãn nơi thành thánh Giêrusalem trên trời.

**4**

Ngày nay ở nhiều nơi trên thế giới, nhờ ơn Chúa Thánh Thần thúc đẩy, nhiều nỗ lực đang được thực hiện bằng kinh nguyện, lời nói và hành động, nhằm tiến tới sự hợp nhất trọn vẹn như Chúa Giê-su Ki-tô đã mong muốn, vì thế, Thánh Công Đồng khuyến khích tất cả mọi tín hữu công giáo hãy nhận ra các dấu chỉ thời đại để tham gia tích cực vào công cuộc đại kết.

Phải hiểu “phong trào Đại Kết” là những hoạt động và sáng kiến được khởi xướng và tổ chức, dựa vào nhiều nhu cầu khác nhau của Giáo Hội và những thời cơ thuận tiện, nhằm cổ võ sự hợp nhất các Ki-tô hữu,: trước tiên đó là mọi cố gắng loại bỏ những lời nói, xét đoán và hành vi thiếu công bình và không đúng sự thật về các anh em ly khai, những điều chỉ làm cho mối liên hệ với họ trở nên thêm khó khăn hơn; thứ đến là việc “đối thoại” giữa những nhà chuyên môn đã nắm vững các vấn đề, được thực hiện trong các buổi hội họp được tổ chức trong tinh thần tôn giáo giữa các Ki-tô hữu thuộc nhiều Giáo Hội hay Cộng Đồng khác nhau, qua đó mỗi người sẽ giải thích cặn kẽ và trình bày minh bạch những nét độc đáo về giáo lý của Cộng Đồng mình. Nhờ đối thoại như thế, mọi người sẽ hiểu biết chính xác hơn và tôn trọng đúng mức giáo thuyết cũng như nếp sống của mỗi Cộng Đồng; cũng nhờ đó các Cộng Đồng sẽ hợp tác với nhau rộng rãi hơn trong những hoạt động mưu tìm thiện ích chung theo như đòi hỏi của lương tâm Ki-tô hữu, và khi hoàn cảnh cho phép, mọi người cùng họp lại trong những buổi cầu nguyện chung. Sau cùng, tất cả phải kiểm điểm xem mình có trung thành thực hiện ý muốn của Đức Ki-tô về Giáo Hội hay không, và phải kiên trì nỗ lực tiến hành việc canh tân cũng như cải tổ.

Tất cả những điều ấy, nếu được các tín hữu của Giáo Hội Công Giáo khôn ngoan và kiên nhẫn thực hiện dưới sự giám sát của các Chủ chăn, sẽ góp phần mang lại công bình và chân lý, đưa đến thái độ đồng tâm và hiệp lực, phát huy tinh thần huynh đệ và hợp nhất; nhờ đó, sau khi đã vượt qua mọi trở ngại ngăn cản sự hiệp thông hoàn toàn của Giáo Hội, dần dần tất cả các Ki-tô hữu sẽ đoàn tụ trong việc cử hành cùng một bí tích Thánh Thể, trong sự hợp nhất của một Giáo Hội duy nhất, sự hợp nhất mà Đức Ki-tô từ ban đầu đã rộng ban cho Giáo Hội của Người, và cũng là sự hợp nhất mà chúng ta tin rằng vẫn luôn mãi tồn tại trong Giáo Hội Công Giáo và hy vọng mỗi ngày một phát triển thêm cho đến tận thế.

Dĩ nhiên, công cuộc chuẩn bị và hòa giải của những cá nhân riêng rẽ, những người ao ước hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công Giáo, tự bản tính khác với sáng kiến đại kết; tuy nhiên, chúng không đối lập nhau vì cả hai đều khởi phát từ sự an bài kỳ diệu của Thiên Chúa.

Trong khi hoạt động cho đại kết, chắc chắn những tín hữu công giáo phải tỏ ra ân cần đối với các anh em ly khai, bằng cách cầu nguyện cho họ, trao đổi với họ về các công việc của Giáo Hội, đi bước trước đến với họ. Điều cần hơn cả là phải thành tâm và chú ý nghiệm xét những gì phải canh tân và thực hiện trong chính Gia đình Công giáo, để đời sống của Giáo Hội làm chứng cách trung thành và rõ ràng hơn về giáo lý và những điều Đức Ki-tô truyền lại qua các Tông đồ.

Mặc dù Giáo Hội Công Giáo được nên phong phú nhờ toàn bộ chân lý do Chúa mạc khải và tất cả những phương tiện trao ban ân sủng, nhưng các phần tử của Giáo Hội lại không sống với tất cả lòng nhiệt thành cần phải có, nên khuôn mặt của Giáo Hội chưa tỏa sáng cho những anh em đã ly tán khỏi chúng ta cũng như cho toàn thế giới, và việc phát triển nước Thiên Chúa cũng còn gặp trở ngại. Vì thế, tất cả mọi người công giáo phải hướng đến sự hoàn thiện Ki-tô hữu,**20** và mỗi người, tùy theo hoàn cảnh của mình, phải cố gắng làm cho Giáo Hội, tuy đang mang trong thân thể mình sự khiêm hạ và hy sinh của Chúa Giê-su,**21** càng ngày càng được thanh tẩy và canh tân cho tới khi Đức Ki-tô bảy tỏ cho mình một Giáo Hội vinh quang, không tì ố, không vết nhăn.**22**

Trong khi luôn giữ gìn sự hợp nhất trong những điều thiết yếu, tất cả mọi người trong Giáo Hội, tùy theo phận vụ được giao phó, vẫn được tự do trong những dạng thức khác nhau về đời sống thiêng liêng và kỷ luật, cũng như trong các lễ nghi phụng tự và ngay cả trong việc khảo cứu thần học về các chân lý mạc khải; tuy nhiên trong tất cả mọi sự, hãy thực thi đức bác ái. Khi hành động như thế, họ sẽ làm cho đặc tính công giáo và tông truyền đích thực của Giáo Hội ngày càng được biểu lộ trọn vẹn hơn.

Ngoài ra, người công giáo phải vui mừng nhìn nhận và tôn trọng những giá trị thực sự mang tính cách Ki-tô giáo, phát xuất từ cùng một gia sản chung, được tìm thấy nơi các anh em đã ly tán khỏi chúng ta. Nhìn nhận những ơn phúc dồi dào và sức mạnh của Đức Ki-tô đang tác động trong đời sống của những kẻ đang làm chứng về Người đôi khi đến phải đổ máu, việc đó thật là chính đáng và có giá trị cứu rỗi, vì Thiên Chúa luôn thực hiện những điều kỳ diệu và phải được ca tụng trong mọi việc Ngài làm.

Cũng đừng quên rằng, tất cả những gì đã được ơn Chúa Thánh Thần thực hiện nơi các anh em ly khai, cũng có thể góp phần trong việc xây dựng cho chính chúng ta. Bất cứ điều gì thực sự mang tính cách Ki-tô giáo không bao giờ đối nghịch với đức tin chân thật, trái lại luôn có thể giúp nhận thức trọn vẹn hơn chính mầu nhiệm Chúa Ki-tô và Giáo Hội.

Tuy nhiên, sự chia rẽ giữa các Ki-tô hữu ngăn cản Giáo Hội thể hiện đầy đủ đặc tính công giáo nơi những người con, tuy đã thuộc về Giáo Hội nhờ bí tích Thánh tẩy, nhưng lại ly tán khỏi sự thông hiệp trọn vẹn với Giáo Hội. Hơn nữa, đối với chính Giáo Hội, việc diễn tả đầy đủ tính cách công giáo dưới mọi khía cạnh trong đời sống thực tế cũng trở thành khó khăn hơn.

Trong niềm vui khi nhận thấy các tín hữu công giáo ngày càng tham gia nhiều hơn vào hoạt động đại kết, Thánh Công Đồng trao phó công việc ấy cho các Giám mục ở khắp nơi trên thế giới, để các ngài tích cực cổ võ và khôn ngoan hướng dẫn.

**CHƯƠNG II. THỰC HÀNH ĐẠI KẾT**

**5**

Toàn thể Giáo Hội, tín hữu cũng như chủ chăn, đều phải quan tâm đến công cuộc tái lập sự hợp nhất, và tất cả đều phải tham gia tùy theo khả năng mỗi người, trong đời sống Ki-tô hữu hàng ngày hay trong các công trình nghiên cứu thần học và sử học. Thái độ quan tâm này một cách nào đó chứng tỏ mối liên kết huynh đệ vẫn tiềm tàng giữa các Ki-tô hữu và dẫn tới sự hợp nhất trọn vẹn và hoàn hảo theo như ý định tốt lành của Thiên Chúa.

**6**

Tất cả công cuộc canh tân**23** cốt yếu hệ tại ở việc Giáo Hội ngày càng sống trung thành với ơn gọi của mình, vì thế nỗ lực đổi mới chính là lý do đưa đến phong trào tìm về hợp nhất. Trên đường lữ hành, Giáo Hội được Đức Ki-tô mời gọi phải đổi mới liên lỉ, đây là điều luôn luôn cần thiết vì Giáo Hội là một định chế nhân loại tại thế; nếu vì hoàn cảnh mà một số điểm nào đó, hoặc trong phong hoá, hoặc trong kỷ luật, hoặc cả trong cách trình bày giáo lý – dĩ nhiên phải phân biệt cách trình bày với chính nội dung đức tin – đã không được tuân giữ chu đáo, Giáo Hội phải kịp thời và nghiêm túc sửa đổi.

Vì thế, việc đổi mới có giá trị đặc biệt đối với công cuộc đại kết. Nhiều cách thức đổi mới đã được thực hiện trong đời sống Giáo Hội – chẳng hạn như phong trào Thánh Kinh và Phụng vụ, việc rao giảng lời Chúa và dạy giáo lý, hoạt động Tông đồ giáo dân, những hình thức mới trong đời tu trì, linh đạo hôn nhân, học thuyết và hoạt động xã hội của Giáo Hội – những cách thức ấy được đánh giá như là những bảo chứng và điềm lành báo trước những tiến bộ trong tương lai của công cuộc đại kết.

**7**

Không thể có việc đại kết đích thực mà không có hoán cải nội tâm. Thật vậy, những ước vọng hợp nhất khởi phát và thành tựu nhờ sự đổi mới tâm hồn,**24** từ bỏ chính mình và quảng đại thực thi bác ái. Vì thế, cần phải cầu xin Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta ơn biết thành thật từ bỏ, khiêm nhường và hiền hòa trong khi phục vụ, quảng đại trong tình huynh đệ đối với tha nhân. Vị Tông Đồ dân ngoại đã nói: “Đang bị xiềng xích trong Chúa, tôi khuyên anh em hãy tiến bước cho xứng với ơn kêu gọi anh em đã được, với tất cả lòng khiêm nhường và hiền hậu, hãy nhẫn nại chịu đựng lẫn nhau trong đức ái; hãy lo lắng duy trì sự hợp nhất của Chúa Thánh Thần trong mối dây hòa thuận” (Ep 4,1-3). Lời khuyên nhủ này trước hết nhắm tới những người được nhắc lên chức thánh để tiếp tục sứ mạng của Đức Ki-tô, Đấng đến giữa chúng ta “không phải để được phục vụ, nhưng để phục vụ” (Mt 20,28).

Lời chứng sau đây của Thánh Gioan vẫn còn giá trị đối với những sai lỗi chống lại sự hợp nhất: “Nếu chúng ta nói rằng mình không phạm tội, thì chúng ta coi Người là kẻ nói dối và lời của Người không ở trong chúng ta” (1 Ga 1,10). Vì thế chúng ta hãy khiêm nhường xin Chúa và những anh em ly khai tha lỗi cho chúng ta, như chúng ta cũng tha những kẻ có nợ chúng ta.

Tất cả các Ki-tô hữu hãy luôn nhớ rằng mình càng cố gắng sống trong sạch theo Phúc Âm, thì càng cổ võ, hơn nữa, càng thực hiện sự hợp nhất các Ki-tô hữu cách tốt đẹp hơn. Vì khi càng kết hiệp mật thiết với Chúa Cha, Ngôi Lời và Chúa Thánh Thần, thì họ lại càng dễ dàng thắt chặt tình huynh đệ với nhau hơn.

**8**

Sự hoán cải tâm hồn và đời sống thánh thiện liên kết với những lời cầu khẩn chung hay riêng cho sự hợp nhất các Ki-tô hữu, phải được coi như là linh hồn của tất cả phong trào đại kết và có thể xứng đáng được gọi là “công cuộc đại kết thiêng liêng”.

Người công giáo có thói quen thường họp nhau để cầu nguyện cho Giáo Hội được hợp nhất, lời cầu nguyện mà chính Đấng Cứu Thế, trong đêm trước khi chịu chết, đã khẩn khoản dâng lên Chúa Cha: “Xin cho tất cả nên một” (Ga 17,21).

Trong một vài trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như những dịp được chính thức tổ chức để cầu nguyện “cho hợp nhất” và trong các buổi hội họp về hợp nhất, người công giáo chẳng những được phép mà còn được khuyến khích hiệp nhau cầu nguyện với những anh em ly khai. Những kinh nguyện chung như thế là phương tiện rất hữu hiệu để xin ơn hợp nhất và là dấu chỉ xác thực của những mối dây còn đang liên kết người công giáo với những anh em ly khai: “Vì ở đâu có hai hay ba người nhân danh Thầy hội họp lại, thì Thầy sẽ ở giữa họ” (Mt 18,20).

Tuy nhiên không được phép coi việc “thông dự vào các hành vi phụng tự thánh” như một phương cách có thể tuỳ tiện sử dụng trong việc tái lập hợp nhất các Ki-tô hữu. Việc thông dự ấy tùy thuộc chủ yếu vào hai nguyên tắc: biểu lộ đặc tính duy nhất của Giáo Hội và tham dự vào các phương tiện trao ban ân sủng. Nhiều khi, ý nghĩa của đặc tính duy nhất không cho phép thực hiện việc thông dự, nhưng đôi khi ân sủng đang được cầu xin lại khuyến khích sự thông dự ấy. Về phương cách hành động cụ thể, tuỳ theo hoàn cảnh thời gian, không gian và nhân sự được Đức Giám mục bản quyền địa phương khôn ngoan định đoạt, trừ khi Tòa Thánh hay Hội đồng Giám mục theo quy chế riêng ấn định thể khác.

**9**

Phải hiểu biết tâm trạng của các anh em ly khai. Vì thế, cần tìm hiểu họ theo sự thật và với lòng nhân hậu. Người công giáo được chuẩn bị đầy đủ cần phải tìm hiểu sâu rộng hơn về học thuyết và lịch sử, về đời sống tu đức và phụng tự, về tâm thức tôn giáo và văn hóa riêng của những nhóm anh em đó. Để đạt được kết quả ấy, những buổi hội họp giữa hai bên sẽ giúp ích rất nhiều, nhất là khi bàn về các vấn đề thần học, trong đó mọi người được bình đẳng bàn luận, miễn là những người tham dự thật sự là những nhà chuyên môn, làm việc dưới sự giám sát của những vị giáo trưởng. Nhờ đối thoại như thế, lập trường của Giáo Hội Công Giáo được nhận thức rõ ràng hơn. Với phương cách đó, chúng ta có thể am hiểu tâm tư của những anh em ly khai và trình bày đức tin cho họ cách thích hợp hơn.

**10**

Thần học và các môn học khác, nhất là sử học, cũng phải được trình bày theo chiều hướng đại kết để đáp ứng chính xác hơn với hoàn cảnh thực tế.

Vì thế, các chủ chăn tương lai và các linh mục phải am tường khoa thần học được trình bày xác đáng theo cách thức đó, chứ đừng theo lối bút chiến, nhất là trong những vấn đề liên hệ đến những mối tương quan giữa Giáo Hội Công Giáo và các anh em ly khai.

Thật vậy, nhu cầu giáo dục và đào tạo tu đức cho các tín hữu và tu sĩ tùy thuộc rất nhiều vào việc đào tạo các linh mục.

Cũng vậy, những người công giáo hiện đang dấn thân hoạt động truyền giáo trong những miền đất chung với các Ki-tô hữu khác, phải am tường các vấn đề và các thành quả do công cuộc đại kết đem đến cho việc Tông đồ của họ.

**11**

Phương pháp và cách thức diễn tả đức tin công giáo không được gây trở ngại cho việc đối thoại với những người anh em. Cần phải tuyệt đối trình bày rõ ràng trọn vẹn giáo lý. Không gì phá hỏng công cuộc đại kết cho bằng chủ trương hòa đồng sai lạc, vừa làm tổn thương vừa làm lu mờ ý nghĩa đích thực và chắc chắn của giáo lý công giáo thuần túy.

Đồng thời phải có những cách thức và ngôn từ để giải thích sâu sắc và chính xác hơn giúp cho các anh em ly khai có thể hiểu thật đúng về đức tin công giáo.

Ngoài ra, trong cuộc đối thoại đại kết, các nhà thần học công giáo, trong khi vẫn luôn theo sát giáo thuyết của Giáo Hội, phải cùng với các anh em ly khai tiến hành việc tìm hiểu các mầu nhiệm linh thánh trong thái độ yêu mến chân lý, bác ái và khiêm nhường. Khi phải đối chiếu các giáo thuyết với nhau, nên nhớ rằng có một trật tự hay một “phẩm trật” trong các chân lý của giáo thuyết công giáo, dựa trên sự liên hệ khác nhau giữa các chân lý ấy với nền tảng đức tin Ki-tô giáo. Như thế, lối đường đã được vạch ra để nhờ sự tranh luận trong tình anh em, tất cả đều được thúc đẩy tìm hiểu sâu xa và biểu lộ rõ ràng hơn nguồn phong phú khôn lường của Chúa Ki-tô.**25**

**12**

Trước mặt muôn dân, toàn thể các Ki-tô hữu hãy tuyên xưng niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi, vào Con Thiên Chúa nhập thể, là Đấng Cứu chuộc và là Chúa chúng ta; đồng thời bằng một cố gắng chung trong thái độ tôn trọng lẫn nhau, hãy làm chứng cho niềm niềm trông cậy không bao giờ thất vọng của tất cả chúng ta. Ngày nay sự hợp tác trong lãnh vực xã hội đang được mở rộng rất nhiều, vì thế tất cả mọi người, nhất là những người tin vào Thiên Chúa, và đặc biệt các Ki-tô hữu, những người được mang danh hiệu của Đức Ki-tô, đều được mời gọi thực hiện công trình chung này. Sự hợp tác của toàn thể các Ki-tô hữu diễn tả cách sống động tình liên đới đang nối kết họ lại với nhau và biểu lộ khuôn mặt của Đức Ki-tô Tôi Tớ cách sáng tỏ hơn. Sự hợp tác này đã được thiết lập tại nhiều quốc gia và cần được cải thiện thêm mãi, nhất là trong những vùng đang có những chuyển biến về mặt xã hội cũng như kỹ thuật, hoặc bằng cách làm cho nhân phẩm được tôn trọng đúng mức, cổ võ cho hòa bình, nỗ lực áp dụng Tin Mừng vào đời sống xã hội, hoặc phát triển khoa học và nghệ thuật trong tinh thần Ki-tô giáo, áp dụng các phương dược thích hợp để chữa lành những nỗi thống khổ của con người ngày nay, như tình cảnh đói khổ và thiên tai, nạn mù chữ, tình trạng nghèo túng, vô gia cư và phân chia của cải không đồng đều. Nhờ sự hợp tác ấy, tất cả những người tin vào Đức Ki-tô có thể dễ dàng tìm được cách để hiểu biết, tôn trọng nhau hơn và dọn đường tiến tới sự hợp nhất các Ki-tô hữu.

**CHƯƠNG III. CÁC GIÁO HỘI VÀ CÁC CỘNG ĐOÀN GIÁO HỘI ĐÃ LY TÁN KHỎI TÔNG TÒA RÔ-MA**

**13**

Giờ đây, chúng ta hướng nhìn đến hai loại hình chia rẽ chính làm tổn hại chiếc áo liền một tấm của Đức Ki-tô.

Loại hình thứ nhất đã xảy ra tại Đông phương, hoặc vì phản đối những định tín các Công đồng Ephêsô và Calcêđônia, hoặc sau này vì cắt đứt hiệp thông Giáo Hội giữa các Giáo Chủ Đông phương và Tòa Thánh Rô-ma.

Tiếp đến, hơn bốn thế kỷ sau, những chia rẽ khác phát sinh ở Tây phương do những sự kiện được gọi chung là phong trào Cải Cách. Từ đó, nhiều Cộng Đồng, quốc gia hoặc giáo đoàn đã ly tán khỏi Tòa Thánh Rô-ma. Trong số những Cộng Đồng còn duy trì phần nào những truyền thống và cơ cấu Công Giáo, đáng kể nhất là Cộng Đồng Anh Giáo.

Các mối chia rẽ ấy rất khác nhau chẳng những về nguồn gốc, không gian và thời gian, nhưng nhất là về bản chất và tầm quan trọng của các vấn đề liên hệ đến đức tin và cơ cấu Giáo Hội.

Vì thế, vẫn luôn lưu tâm đến những hoàn cảnh đa dạng của các Cộng đồng Ki-tô giáo ấy đồng thời cũng không bỏ qua những mối liên hệ còn đang nối kết họ với nhau mặc dầu hiện vẫn còn chia rẽ, thánh Công Đồng quyết nghị đưa ra những nhận định sau đây để tiến hành việc thực hiện đầy thận trọng cho công cuộc đại kết.

**I. NHẬN ĐỊNH ĐẶC BIỆT VỀ CÁC GIÁO HỘI ĐÔNG PHƯƠNG**

**14**

Trong nhiều thế kỷ, các Giáo Hội Đông và Tây phương đã đi theo con đường riêng của mình, nhưng vẫn liên kết với nhau nhờ tình hiệp thông huynh đệ trong đức tin và đời sống bí tích; qua những thỏa thuận chung, Tòa Thánh Rô-ma can thiệp mỗi khi các Giáo Hội ấy bất đồng quan điểm với nhau về đức tin hay về kỷ luật. Thánh Công Đồng vui mừng nhắc lại cho mọi người một trong những nhận định quan trọng là có nhiều Giáo Hội riêng biệt hay địa phương đang phát triển ở Đông phương, đứng đầu là các Giáo Hội có Thượng phụ, trong đó không ít Giáo Hội hãnh diện vì được chính các Tông Đồ thiết lập. Vì thế các tín hữu Đông phương vẫn luôn ưu tư va chú tâm duy trì những mối liên lạc huynh đệ với tình hiệp thông trong đức tin và đức ái cần phải có giữa các Giáo Hội địa phương như là giữa những chị em với nhau.

Cũng đừng quên rằng, các Giáo Hội Đông phương ngay từ khởi đầu đã từng có một kho tàng, nhờ đó Giáo Hội Tây phương đã kín múc được nhiều yếu tố về phụng vụ, truyền thống tu đức và luật pháp. Một sự kiện khác cũng đáng chú ý là những tín điều căn bản trong đức tin Ki-tô giáo như Thiên Chúa Ba Ngôi, Ngôi Lời Thiên Chúa Nhập Thể trong lòng Đức Trinh Nữ Ma-ri-a đã được định tín trong các Công Đồng Chung khai diễn tại Đông phương. Các Giáo Hội ấy đã và đang còn phải chịu nhiều khổ đau để gìn giữ đức tin ấy.

Di sản do các Tông Đồ truyền lại đã được đón nhận qua những hình thức và cách thế khác nhau, và ngay từ thời Giáo Hội sơ khai, di sản ấy đã được giải thích mỗi nơi mỗi khác do những dị biệt về khả năng và hoàn cảnh. Không kể các nguyên nhân bên ngoài, chính những yếu tố đó, cộng với sự thiếu bác ái và thông cảm lẫn nhau, đã tạo nên cơ hội đưa đến chia rẽ.

Vì vậy, Thánh Công Đồng khuyến dụ mọi người, đặc biệt là những ai muốn hoạt động tái lập sự hiệp thông trọn vẹn như các Giáo Hội Đông phương và Giáo Hội Công Giáo hằng mong mỏi, hãy nghiên cứu kỹ lưỡng về hoàn cảnh cá biệt đã khai sinh và phát triển các Giáo Hội Đông Phương, và về đặc tính của những mối liên lạc đã có giữa các Giáo Hội ấy với Tòa Thánh Rô-ma trước thời ly khai, cũng như hãy có những nhận định chính xác về tất cả những điểm trên. Thực hiện những điều đó là đã đóng góp rất nhiều cho cuộc đối thoại đang được mọi người mong đợi.

**15**

Mọi người đều biết các Ki-tô hữu Đông phương rất mộ mến cử hành Phụng vụ thánh, nhất là việc cử hành bí tích Thánh Thể, nguồn sống của Giáo Hội và bảo chứng cho vinh quang đời sau, nhờ đó các tín hữu hợp nhất với Giám mục, được đến gần Thiên Chúa Cha, nhờ Chúa Con Ngôi Lời Nhập Thể, Đấng đã chịu đau khổ và được tôn vinh, được đầy Chúa Thánh Thần, họ thông hiệp với Thiên Chúa Ba Ngôi rất thánh, được “thông phần bản tính Thiên Chúa” (2 Pr 1,4). Như vậy, nhờ việc cử hành Thánh Thể trong từng Giáo Hội địa phương, Giáo Hội Thiên Chúa được xây dựng và tăng trưởng,**26** và việc đồng tế đã thể hiện rõ sự thông hiệp giữa các Giáo Hội.

Trong nghi lễ phụng vụ này, các tín hữu đông phương đã dùng những bài thánh thi tuyệt diệu để ca ngợi Đức Ma-ri-a trọn đời đồng trinh mà Công Đồng Chung Êphêsô đã long trọng tuyên xưng là Mẹ rất thánh của Thiên Chúa để Đức Ki-tô được nhận biết một cách thực sự và đúng nghĩa là Con Thiên Chúa và là Con Người theo Thánh Kinh, đồng thời họ cũng tôn kính nhiều vị thánh, trong số đó có các thánh Giáo phụ của toàn thể Giáo Hội.

Vì mặc dù ly khai, nhưng các Giáo Hội ấy vẫn có những bí tích đích thực, đặc biệt là chức Linh Mục và bí tích Thánh Thể do sự kế vị tông truyền, nên vẫn liên kết chặt chẽ với chúng ta, do đó, một số hình thức thông dự vào việc phượng tự thánh, trong những trường hợp thuận tiện và với sự chấp thuận của giáo quyền, chẳng những có thể thực hiện, mà còn đáng khuyến khích nữa.

Đông Phương cũng có nhiều truyền thống tu đức phong phú, tiêu biểu nhất là đời sống đan viện. Thật vậy, tại đây, ngay từ thời vàng son của các thánh Giáo phụ, nền tu đức đan viện đã phát triển, sau đó mới lan tràn sang Tây Phương, nên như mạch suối khởi phát đồng thời tiếp tục mang lại nguồn sinh lực mới cho các dòng tu trong Giáo Hội latinh. Vì thế, người công giáo được tha thiết mời gọi hãy năng tìm đến kho tàng tu đức phong phú của các thánh Giáo phụ Đông Phương, giúp nâng cao con người toàn diện để chiêm ngưỡng những điều thuộc về Thiên Chúa.

Mọi người phải biết rằng: thông hiểu, kính trọng, giữ gìn và phát triển di sản phụng vụ và tu đức vô cùng phong phú của các tín hữu đông phương là việc rất quan trọng để trung thành bảo toàn đầy đủ truyền thống Ki-tô giáo và để thực hiện sự hòa giải các Ki-tô hữu đông phương với tây phương.

**16**

Hơn nữa, ngay từ buổi đầu, các Giáo Hội Đông Phương đã theo những kỷ luật riêng được các thánh Giáo phụ và các Công Đồng, kể cả các Công Đồng Chung phê chuẩn. Vì sự khác biệt về phong tục và tập quán đã nhắc tới trên kia không hề cản trở sự hợp nhất, nhưng còn tăng thêm vẻ đẹp của Giáo Hội và góp phần không nhỏ vào việc chu toàn sứ mệnh của Giáo Hội, nên để đánh tan mọi nghi ngờ, Thánh Công Đồng tuyên bố: các Giáo Hội Đông Phương, trong khi luôn ý thức về sự cần thiết phải hợp nhất toàn thể Giáo Hội, vẫn có quyền tự trị theo những kỷ luật riêng, thích hợp hơn với tính cách của các tín hữu và có thể mưu ích cho các linh hồn nhiều hơn. Việc tuân giữ trọn vẹn nguyên tắc truyền thống này, vốn có khi không được quan tâm, là một trong những điều kiện tiên quyết rất cần thiết để tái lập sự hợp nhất.

**17**

Những gì đã nói trên đây về sự khác biệt chính đáng, cũng được áp dụng cho sự đa dạng trong cách trình bày về thần học liên quan đến giáo lý. Thật vậy, trong việc tìm hiểu chân lý mạc khải, để nhận biết và tuyên xưng những điều thuộc về Thiên Chúa, những phương pháp và những thể thức khác nhau đã được sử dụng ở Đông Phương cũng như ở Tây Phương. Do đó, không đáng ngạc nhiên khi thấy có một vài khía cạnh của mầu nhiệm mạc khải đôi khi được một bên hiểu đúng và trình bày sáng sủa hơn bên kia, vì vậy những công thức thần học khác nhau ấy phải được coi là bổ túc cho nhau hơn là đối lập nhau. Phải công nhận là những truyền thống thần học chính thức của Giáo Hội Đông Phương đã bám rễ cách tuyệt hảo trong Thánh Kinh, được khai triển và biểu lộ trong đời sống phụng vụ, được nuôi dưỡng bằng truyền thống Tông Đồ sống động và bằng những tác phẩm của các thánh Giáo phụ Đông phương cũng như của các tác giả tu đức, góp phần xây dựng một nếp sống chính trực và hơn nữa còn giúp chiêm ngưỡng trọn vẹn chân lý Ki-tô giáo.

Trong tâm tình tạ ơn Chúa vì nhiều tín hữu đông phương, là con cái thuộc Giáo Hội Công Giáo, những người đang giữ gìn và mong muốn hưởng dùng phần gia sản ấy cách tinh ròng và sung mãn hơn, vẫn sống hoàn toàn hiệp thông với các anh em thuộc truyền thống tây phương, Thánh Công Đồng tuyên bố: toàn bộ di sản tu đức và phụng vụ, kỷ luật và thần học trong các truyền thống khác biệt luôn gắn kết với đặc tính công giáo và tông truyền trọn vẹn của Giáo Hội.

**18**

Với tất cả các nhận định trên, Thánh Công Đồng này lập lại điều đã được các Thánh Công Đồng trước cũng như các Đức Giáo Hoàng Rô-ma tuyên bố: để tái lập và duy trì sự thông hảo và hợp nhất, “đừng đặt thêm những gánh nặng không cần thiết” (Cv 15,28). Công Đồng cũng tha thiết ước mong từ nay, mọi cố gắng đều nhằm thực hiện dần dần sự hợp nhất trong những định chế và hình thức khác nhau của đời sống Giáo Hội, nhất là trong kinh nguyện và đối thoại huynh đệ về giáo lý và về các nhu cầu mục vụ khẩn thiết của thời đại chúng ta. Cũng thế Công Đồng khuyên các chủ chăn và tín hữu của Giáo Hội Công Giáo hãy giao tiếp với những người không còn ở Đông Phương, nhưng sống xa quê nhà, để gia tăng sự cộng tác huynh đệ trong tinh thần bác ái và loại trừ những hình thức ganh đua, tranh tụng. Nếu mọi người thành tâm xúc tiến công cuộc này, Thánh Công Đồng hy vọng rằng, sau khi bức tường ngăn cách Giáo Hội Đông Tây bị phá đổ, sẽ chỉ còn ngôi nhà duy nhất được củng cố trên tảng đá góc là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng sẽ làm cho cả hai nên một.**27**

**II. CÁC GIÁO HỘI VÀ CÁC CỘNG ĐỒNG GIÁO HỘI LY KHAI TÂY PHƯƠNG**

**19**

Các Giáo Hội và các Cộng Đồng Giáo Hội đã ly khai với Tông Tòa Rô-ma trong thời kỳ khủng hoảng trầm trọng nhất phát sinh ở Tây Phương vào cuối thời Trung Cổ hoặc về sau này, vẫn luôn nối kết với Giáo Hội Công Giáo bằng một mối tương quan và những liên hệ đặc biệt nhờ vào việc đoàn dân Ki-tô giáo đã sống trong tình hiệp thông Giáo hội lâu dài suốt những thế kỷ trước.

Các Giáo Hội và Cộng Đồng Giáo Hội ấy chẳng những khác với chúng ta, mà còn khác cả với nhau nữa do những dị biệt về nguồn gốc, giáo lý và đời sống tu đức, nên rất khó trình bày cho đúng về các Giáo Hội ấy và ở đây chúng tôi không có ý thực hiện điều đó.

Mặc dù phong trào đại kết và ước vọng sống hòa bình với Giáo Hội Công Giáo chưa được đề cao khắp nơi, nhưng chúng tôi vẫn hy vọng rằng cảm thức về đại kết và sự tôn trọng lẫn nhau sẽ dần dần gia tăng nơi tất cả mọi người.

Phải nhìn nhận rằng có nhiều khác biệt quan trọng giữa các Giáo Hội và Cộng Đồng Giáo Hội ấy với Giáo Hội Công Giáo, chẳng những về tính chất lịch sử, xã hội, tâm lý, văn hóa, nhưng nhất là về cách thức giải thích chân lý mạc khải. Để dễ dàng khởi xướng cuộc đối thoại đại kết, dù những khác biệt vẫn còn đó, sau đây chúng tôi muốn đưa ra một vài điều có thể và phải là nền tảng cũng như khởi điểm cho cuộc đối thoại ấy.

**20**

Chúng tôi đặc biệt nghĩ đến những Ki-tô hữu đang công khai tuyên xưng Chúa Giê-su Ki-tô là Chúa và là Thiên Chúa, Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, để làm vinh danh một Thiên Chúa duy nhất là Cha, Con và Thánh Thần. Thật ra chúng tôi biết họ có những khác biệt không nhỏ đối với giáo lý của Giáo Hội Công Giáo, cả về Đức Ki-tô Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể, về công trình cứu chuộc, và do đó, về mầu nhiệm và tác vụ của Giáo Hội, cũng như về vai trò của Đức Ma-ri-a trong công cuộc cứu độ. Tuy nhiên, chúng tôi vui mừng khi thấy các anh em ly khai vẫn hướng về Đức Ki-tô như là nguồn mạch và trung tâm của sự hiệp thông Giáo Hội. Chính ước vọng kết hiệp với Đức Ki-tô đã tác động và thúc đẩy họ càng ngày càng tìm về hợp nhất và làm chứng cho niềm tin của mình giữa muôn dân tộc.

**21**

Lòng yêu mến, kính trọng và gần như tôn sùng Thánh Kinh đã thúc đẩy những người anh em của chúng ta chuyên cần và hăng say học hỏi các Bản văn thánh: vì Tin Mừng “là quyền năng Thiên Chúa để cứu rỗi mọi người tin theo, trước tiên là người Do Thái, kế đến là người Hy Lạp” (Rm 1,16).

Trong khi khẩn cầu Chúa Thánh Thần, họ kiếm tìm Thiên Chúa nơi chính Thánh Kinh, Đấng đang nói với họ trong Đức Ki-tô, Đấng đã được các tiên tri loan báo và là Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể vì chúng ta. Trong Thánh Kinh, họ chiêm ngưỡng cuộc đời Đức Ki-tô và những gì Thầy Chí Thánh đã dạy và đã làm để cứu rỗi loài người, nhất là mầu nhiệm về sự chết và sự phục sinh của Người.

Tuy nhiên, trong khi các Ki-tô hữu đã tách khỏi chúng ta xác nhận uy thế thần linh của Sách Thánh, họ vẫn cảm nghĩ khác chúng ta – và khác cả với nhau – về sự liên quan giữa Thánh Kinh và Giáo Hội; trong vấn đề này, theo đức tin công giáo, huấn quyền chính thức giữ một địa vị đặc biệt trong việc giải thích và rao giảng Lời Chúa đã được ghi chép.

Nhưng dù sao đi nữa, trong chính việc đối thoại, Lời Chúa là dụng cụ tuyệt hảo nơi bàn tay toàn năng của Thiên Chúa, để đạt tới sự hợp nhất mà Đấng Cứu Thế đã tỏ bày cho mọi người.

**22**

Nhờ bí tích Thánh tẩy, được trao ban đúng nghi thức như Chúa đã thiết lập và được lãnh nhận với điều kiện cần thiết của tâm hồn, con người được thật sự tháp nhập vào Đức Ki-tô chịu đóng đinh và được tôn vinh, đồng thời được tái sinh để thông phần sự sống Thiên Chúa theo lời Thánh Tông Đồ: “Anh em được mai táng với Người trong phép Rửa, anh em cũng sẽ được sống lại với Người bởi đã tin vào Thiên Chúa tác thành, chính Đấng đã khiến Người từ trong kẻ chết sông lại” (Cl 2,12).**28**

Vậy phép Rửa tạo nên mối dây bí tích của sự hợp nhất giữa tất cả những người đã được tái sinh. Tuy nhiên, phép Rửa, tự bản tính, mới chỉ là thời điểm khai tâm và là bước khởi hành, vì đích điểm của bí tích này chính là đạt tới sự sống sung mãn trong Đức Ki-tô. Như thế, phép Rửa hướng đến việc tuyên xưng trọn vẹn đức tin, gắn kết trọn vẹn vào kế hoạch cứu rỗi như chính Đức Ki-tô mong muốn và sau cùng hòa nhập trọn vẹn vào sự hiệp thông Thánh Thể.

Những Cộng đồng Giáo Hội đã tách rời khỏi chúng ta, mặc dù không cùng chúng ta hưởng nhận sự hợp nhất đầy đủ khởi sinh từ phép Rửa, và mặc dù chúng ta tin họ không còn giữ được bản chất đích thực và nguyên vẹn của mầu nhiệm Thánh Thể, nhất là vì thiếu bí tích Truyền Chức Thánh, nhưng khi tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa trong Tiệc Thánh, họ luôn tuyên xưng rằng sự sống chỉ có ý nghĩa nhờ hiệp thông với Đức Ki-tô và họ vẫn mong đợi ngày trở lại vinh quang của Người. Do đó, phải dùng giáo lý về Tiệc Thánh của Chúa, về các bí tích khác, về việc phụng tự cũng như về các thừa tác vụ của Giáo Hội làm đối tượng cho cuộc đối thoại.

**23**

Đời sống Ki-tô hữu của các anh em ly khai được nuôi dưỡng bằng đức tin vào Chúa Ki-tô, được duy trì nhờ ân sủng của phép Rửa và nhờ lắng nghe Lời Chúa. Đời sống ấy được biểu lộ trong kinh nguyện riêng, trong việc suy niệm Thánh Kinh, trong đời sống gia đình Ki-tô hữu, trong việc phụng tự của cộng đoàn cùng tụ họp để ngợi khen Thiên Chúa. Ngoài ra, đôi khi việc phụng tự của họ cũng mang những yếu tố nổi bật thuộc nền phụng vụ cổ kính chung.

Đức tin vào Chúa Ki-tô đã kết sinh hoa trái trong lời ngợi khen và cảm tạ vì các ơn phúc thiêng liêng đã lãnh nhận; thêm vào đó là ý thức mạnh mẽ về đức công bình và tình bác ái chân thành đối với tha nhân. Đức tin sống động ấy cũng làm phát sinh không ít những tổ chức nhằm xoa dịu nỗi khổ đau tinh thần và thể xác, giáo dục giới trẻ, cải thiện những hoàn cảnh xã hội của cuộc sống được nên nhân đạo hơn và củng cố nền hòa bình thế giới.

Mặc dù có nhiều Ki-tô hữu không luôn hiểu Tin Mừng cùng một cách như người công giáo trong những vấn đề luân lý và không cùng chấp nhận những giải quyết giống nhau về những vấn đề khó khăn của xã hội hiện đại, tuy nhiên, như chúng ta, họ cũng muốn gắn bó với lời của Đức Ki-tô như là nguồn nghị lực của đời Ki-tô hữu và tuân theo lời Thánh Tông Đồ dạy: “Bất cứ điều gì anh em làm, trong lời nói hay trong hành động, anh em hãy làm tất cả nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô và nhờ Người mà cảm tạ Thiên Chúa Cha” (Cl 3,17). Từ đó, có thể bắt đầu cuộc đối thoại đại kết về việc áp dụng luân lý của Phúc Âm.

**24**

Sau khi đã trình bày vắn tắt những điều kiện và những nguyên tắc hướng dẫn cho việc thực hiện công cuộc đại kết, chúng tôi tin tưởng đưa mắt hướng tới tương lai. Thánh Công Đồng khuyên các tín hữu hãy tránh mọi thái độ nhẹ dạ và nhiệt thành thiếu khôn ngoan có thể phương hại đến sự tiến triển của việc hợp nhất. Thật vậy, hoạt động đại kết không thể thành tựu được, nếu không hoàn toàn và thực sự là công giáo, nghĩa là trung thành với chân lý mà chúng ta đã lãnh nhận từ các Tông Đồ và các Giáo phụ cũng như phù hợp với đức tin luôn được Giáo Hội Công Giáo tuyên xưng, đồng thời hướng tới sự sung mãn, nhờ đó Chúa muốn cho Thân Thể Người được lớn lên qua các thời đại.

Thánh Công Đồng luôn khẩn khoản ước mong cho những sáng kiến của con cái Giáo Hội Công Giáo được tiến triển hòa hợp với những sáng kiến của các anh em ly khai mà không cản trở đường lối của Thiên Chúa Quan Phòng, cũng như không tạo nên những thiên kiến làm phương hại đến tác động sẽ đến từ Chúa Thánh Thần. Hơn nữa, Thánh Công Đồng vẫn ý thức xác tín rằng ước nguyện thánh thiện hòa giải toàn thể các Ki-tô hữu qua sự hợp nhất trong một Giáo Hội duy nhất của Đức Ki-tô vượt quá sức lực và khả năng loài người. Vì thế, Thánh Công Đồng đặt trọn niềm hy vọng vào lời Đức Ki-tô nguyện cầu cho Giáo Hội, vào tình thương của Chúa Cha dành cho chúng ta và vào quyền năng của Chúa Thánh Thần. “Niềm cậy trông không làm cho thất vọng: vì tình yêu của Thiên Chúa đã được đổ xuống trong lòng ta, nhờ Chúa Thánh Thần Đấng đã được ban cho ta” (Rm 5,5).

*Tất cả và từng điều được ban bố trong Sắc Lệnh này đều đã được các Nghị phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, với thẩm quyền tông truyền nhận được từ Chúa Ki-tô, hợp nhất với các Nghị phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, quyết nghị và xác lập, và những gì đã được xác lập theo thể thức Công Đồng, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.*

Rô-ma, tại Đền Thánh Phê-rô, ngày 21 tháng 11 năm 1964  
Tôi, PHAO-LÔ, Giám mục Giáo Hội Công giáo  
(Tiếp theo là chữ ký của các Nghị phụ)

**Chú thích**

**1** x. 1 Cr 1,13.

**2** x. Ga 4,9; Cl 1,18-20; Ga 11,52.

**3** x. Ga 13,34.

**4** x. Ga 16,7.

**5** x. 1 Cr 12,4-11.

**6** x. Mt 28,18-20, so sánh với Ga 20,21-23.

**7** x. Mt 16,19, so sánh với Mt 18,18.

**8** x. Lc 22,32.

**9** x. Ga 21,15-17.

**10** x. Ep 2,20.

**11** x. 1 Pr 2,25; CĐ VA-TI-CA-NÔ I, Hiến chế *Pastor Aetermus*; Coll. Lac. 7, 482a.

**12** x. Is 11,10-12.

**13** x. Ep 2,17-18, so sánh với Mc 16,15.

**14** x. 1 Pr 1,3-9.

**15** x. 1 Cr 11,18-19; Gl 1,6-9; 1 Ga 2,18-19.

**16** x. 1 Cr 1,11tt; 11,22.

**17** x. CĐ FIRENZÊ, khóa VIII (1439), Sắc lệnh *Exultate Deo*: Mansi 31, 1055A.

**18** x. T. AUGUSTINÔ, *In Ps*. 32, Enarr, II, 29: PL 36, 299.

**19** x. CĐ LA-TE-RA-NÔ IV (1215), Hiến chế IV: Mansi 22, 990; CĐ LYON II (1274), *Tuyên xưng đức tin của Michael Palaeologi*: Mansi 24, 71E; CĐ FIRENZÊ, Khóa VI (1439),*Định tín Laetentur Caeli*: Mansi 31, 1026E.

**20** x. Gc 1,4; Rm 12,1-2.

**21** x. 2 Cr 4,10; Pl 2,5-8.

**22** x. Ep 5,27.

**23** x. LA-TÊ-RA-NÔ V, Khóa XII (1517), Hiến chế *Constituti*: Mansi 32, 988B-C.

**24** x. Ep 4,23.

**25** x. Ep 3,8.

**26** x. T. GIO-AN KIM KHẨU, *In Ioannem Homelia*, XLVI: PG 59, 260-262.

**27** x. CĐ FIRENZÊ, Khóa VI (1439), Định tín *Laetentur Caeli* : Mansi 31, 1026E.

**28** x. Rm 6,4.